

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO  
BÌ BIÊN HÒA  
BIEN HOA PACKAGING  
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số: 23 / SVI-2023  
No.: 23 / SVI-2023

Đồng Nai, ngày 23 tháng 03 năm 2023  
Dong Nai, day 23 month 03 year 2023

### CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission  
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA/ BIEN HOA PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: SVI
- Địa chỉ/Address: Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ Street No. 7, Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Biên Hòa City, Dong Nai Province, Viet Nam.
- Điện thoại/Tel.: 0251.3836121 - Fax: 0251.3832939 - E-mail: [ducph@sovi.com.vn](mailto:ducph@sovi.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2022.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 23/03/2023 tại đường dẫn [codong.sovi.com.vn](http://codong.sovi.com.vn)/ This information was published on the company's website on 23/03/2023, as in the link [codong.sovi.com.vn](http://codong.sovi.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ We hereby certify that the information provided is true, correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2022.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/ Người UQ CBTT  
Legal representative/ Person authorized to disclose information



PHẠM HỒNG ĐỨC/ PHAM HONG DUC  
Giám đốc tài chính/ CFO



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp** 4703000057  
3600648493

ngày 14 tháng 8 năm 2003  
ngày 24 tháng 1 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600648493 ngày 24 tháng 1 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Jakjit Klomsing

Chủ tịch  
(từ ngày 20 tháng 12 năm 2022)

Ông Sompob Witworrasakul

Chủ tịch  
(từ ngày 17 tháng 10 năm 2022  
đến ngày 20 tháng 12 năm 2022)

Ông Suchai Korprasertsri

Chủ tịch  
(đến ngày 17 tháng 10 năm 2022)

Ông Sompob Witworrasakul

Phó Chủ tịch  
(đến ngày 17 tháng 10 năm 2022  
từ ngày 20 tháng 12 năm 2022)

Ông Hirofumi Hori

Thành viên

Ông Toshinobu Sada

Thành viên

Ông Ekarach Sinnarong

Thành viên

Ông Đinh Quang Hùng

Thành viên

Bà Saranya Skontanarak

Thành viên

Ông Nguyễn Quý Thịnh

Thành viên

Ông Amnuay Pattaramongkolkul

Thành viên

(từ ngày 20 tháng 12 năm 2022)

Ông Tawatchai Jungomsri

Thành viên

(đến ngày 20 tháng 12 năm 2022)

**Ban Kiểm soát**

Ông Krasame Singhakul

Trưởng ban

Ông Wattana Intachoom

Thành viên

Bà Theamhathai Tibfan

Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Ekarach Sinnarong

Tổng Giám đốc

Ông Đặng Ngọc Diệp

Giám đốc điều hành

Ông Trần Trang Bình

Phó Giám đốc điều hành

Ông Phạm Hồng Đức

Giám đốc tài chính

**Người đại diện  
theo Pháp luật**

Ông Ekarach Sinnarong

Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1  
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hoà Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hoà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm này.



Ekarach Sinnarong  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2023

1101 M Y K 2/2



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 21 tháng 3 năm 2022.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00217-23-1



Chang Hung Chun  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0863-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0436-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2023

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>918.699.310.962</b>	<b>848.185.093.998</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>72.529.006.552</b>	<b>64.896.811.446</b>
Tiền	111		72.529.006.552	64.896.811.446
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>321.020.000.000</b>	<b>134.500.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	321.020.000.000	134.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>349.007.798.118</b>	<b>432.637.403.060</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	344.134.720.250	427.611.434.092
Trả trước cho người bán	132	7	1.790.221.541	6.262.801.628
Phải thu khác	136	8	4.392.093.420	1.395.162.449
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(1.309.237.093)	(2.631.995.109)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>172.615.264.357</b>	<b>213.948.392.280</b>
Hàng tồn kho	141		174.765.497.676	214.063.380.828
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.150.233.319)	(114.988.548)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.527.241.935</b>	<b>2.202.487.212</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	3.527.241.935	1.964.076.530
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(b)	-	238.410.682
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>299.879.372.242</b>	<b>311.861.687.790</b>
<b>Các khoản phải thu - dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>98.025.000</b>	<b>104.025.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		98.025.000	104.025.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>162.005.460.364</b>	<b>166.034.772.966</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	161.850.907.940	165.609.094.594
Nguyên giá	222		661.344.157.761	626.838.831.608
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(499.493.249.821)	(461.229.737.014)
Tài sản cố định vô hình	227	13	154.552.424	425.678.372
Nguyên giá	228		2.965.022.613	2.965.022.613
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.810.470.189)	(2.539.344.241)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>6.608.512.000</b>	<b>10.267.662.999</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	6.608.512.000	10.267.662.999
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>131.167.374.878</b>	<b>135.455.226.825</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	128.823.709.084	132.810.267.234
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	2.343.665.794	2.644.959.591
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.218.578.683.204</b>	<b>1.160.046.781.788</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>491.221.807.274</b>	<b>526.184.429.139</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>485.342.223.450</b>	<b>512.959.631.184</b>
Phải trả người bán	311	16	295.685.347.569	345.765.970.525
Người mua trả tiền trước	312		97.521.676	52.338.332
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	12.675.503.253	10.165.126.067
Phải trả người lao động	314		9.395.241.437	9.801.368.430
Chi phí phải trả	315	18	25.027.902.315	28.586.293.965
Phải trả ngắn hạn khác	319		458.936.007	447.336.257
Vay ngắn hạn	320	19	141.739.413.927	115.421.129.166
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	262.357.266	2.720.068.442
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.879.583.824</b>	<b>13.224.797.955</b>
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	5.879.583.824	13.224.797.955
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>727.356.875.930</b>	<b>633.862.352.649</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>727.356.875.930</b>	<b>633.862.352.649</b>
Vốn cổ phần	411	23	128.324.370.000	128.324.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.324.370.000	128.324.370.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		636.060.646	636.060.646
Quỹ đầu tư phát triển	418		153.593.356.183	153.593.356.183
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		444.803.089.101	351.308.565.820
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		328.210.179.220	259.189.085.264
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		116.592.909.881	92.119.480.556
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.218.578.683.204</b>	<b>1.160.046.781.788</b>

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Lý Phát  
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnarong  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	1.880.128.841.357	1.839.060.772.826
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	2.063.648.709	1.878.148.296
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>1.878.065.192.648</b>	<b>1.837.182.624.530</b>
Giá vốn hàng bán	11	26	1.611.209.389.407	1.604.668.420.313
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>266.855.803.241</b>	<b>232.514.204.217</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	15.322.620.592	8.804.677.780
Chi phí tài chính	22	28	5.526.406.774	6.270.802.908
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.167.866.578	6.010.628.591
Chi phí bán hàng	25	29	82.895.602.545	79.660.687.033
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	43.451.053.925	40.470.181.849
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>150.305.360.589</b>	<b>114.917.210.207</b>
Thu nhập khác	31		1.717.122.367	793.645.772
Chi phí khác	32		3.642.735.213	378.488.589
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(1.925.612.846)</b>	<b>415.157.183</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>148.379.747.743</b>	<b>115.332.367.390</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	31.485.544.065	23.998.004.291
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	32	301.293.797	(785.117.457)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>116.592.909.881</b>	<b>92.119.480.556</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>33</b>	<b>9.086</b>	<b>7.178</b>

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Lý Phát  
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ekarach Sinnarong  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>148.379.747.743</b>	<b>115.332.367.390</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		43.285.203.647	43.951.536.403
Các khoản dự phòng	03		2.201.652.863	4.451.880.932
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(97.068.003)	(71.684.305)
Lãi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05		1.684.911.147	(58.181.818)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(14.905.113.990)	(8.450.708.295)
Chi phí lãi vay	06		5.167.866.578	6.010.628.591
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>185.717.199.985</b>	<b>161.165.838.898</b>
Biến động các khoản phải thu	09		88.310.328.243	(23.696.801.384)
Biến động hàng tồn kho	10		39.297.883.152	(71.703.460.452)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(60.436.315.314)	95.131.024.979
Biến động chi phí trả trước	12		2.423.392.745	4.868.737.738
			<b>255.312.488.811</b>	<b>165.765.339.779</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.379.328.208)	(6.419.192.065)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(30.003.524.573)	(26.804.070.192)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.457.711.176)	(11.932.831.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>217.471.924.854</b>	<b>120.609.246.522</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(39.138.077.867)	(8.226.478.252)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		611.585.185	58.181.818
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(396.773.972.603)	(255.487.347.945)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn	24		210.253.972.603	271.487.347.945
Tiền thu lãi tiền gửi	27		11.810.570.019	9.376.887.200
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(213.235.922.663)</b>	<b>17.208.590.766</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		601.056.264.427	788.298.403.853
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(574.737.979.666)	(868.294.358.771)
Tiền trả cổ tức	36		(23.098.386.600)	(25.664.874.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.219.898.161</b>	<b>(105.660.828.918)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>7.455.900.352</b>	<b>32.157.008.370</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>64.896.811.446</b>	<b>32.816.314.983</b>
<b>Ảnh hưởng của biến động tỷ giá đối với tiền</b>	<b>61</b>		<b>176.294.754</b>	<b>(76.511.907)</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>72.529.006.552</b>	<b>64.896.811.446</b>

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Lý Phát  
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ekarach Sinnarong  
Tổng Giám đốc

## Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 12 tháng 3 năm 2012, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 3 năm 2012 của Tổng Giám đốc của HOSE với mã chứng khoán là “SVI”.

### (b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

### (c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### (d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một chi nhánh phụ thuộc (1/1/2022: một chi nhánh phụ thuộc).

Chi nhánh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chi nhánh số 3600648493-001 ngày 11 tháng 1 năm 2011, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu, và giấy chứng nhận điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Chi nhánh số 3600648493-001 ngày 13 tháng 5 năm 2020. Chi nhánh đặt tại Lô B-6A-CN Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 716 nhân viên (1/1/2022: 739 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

1104 100 100

## Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### (f) Tài sản cố định hữu hình

##### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	4 năm

#### (g) Tài sản cố định vô hình

##### Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 43 năm đến 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Chênh lệch giữa tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

11  
HI  
NC  
K  
HC



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm của báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được trình bày theo hoạt động kinh doanh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Trong năm, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**(r) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

## Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

#### (ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

#### (s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

#### (t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

## 4. Tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	120.592.269	216.694.669
Tiền gửi ngân hàng	72.408.414.283	64.680.116.777
	<hr/>	<hr/>
	72.529.006.552	64.896.811.446

## 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm.



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo nhóm khách hàng**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Các khách hàng lớn (Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Công ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsico Việt Nam)	126.721.504.372	114.315.421.270
Các khách hàng khác	217.413.215.878	313.296.012.822
	<hr/>	
	344.134.720.250	427.611.434.092

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	4.127.364.137	4.053.334.431
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	3.847.879.080	383.200.400
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)	736.097.815	3.412.676.908
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành	723.488.598	1.183.771.042
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	298.243.253	1.130.653.480
	<hr/>	

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

**7. Trả trước cho người bán**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Công nghiệp Minh Đăng	1.369.325.638	580.599.854
Lian Ttee Machinery Industrial Co., Ltd	-	5.114.475.000
Các nhà cung cấp khác	420.895.903	567.726.774
	<hr/>	
	1.790.221.541	6.262.801.628

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi dự thu	4.144.359.587	1.049.815.616
Đặt cọc	232.488.000	327.688.000
Tạm ứng cho nhân viên	-	13.600.000
Khác	15.245.833	4.058.833
	<hr/>	<hr/>
	<b>4.392.093.420</b>	<b>1.395.162.449</b>

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa  
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<i>Nợ quá hạn</i>				
Công ty TNHH Seven Colors	2.230.124.490	669.037.359	1.561.087.131	-
Công ty TNHH Kim Bách Tùng Ana Water and Smiler Beverage Co., Ltd	426.934.209	298.853.940	128.080.269	Từ 1 đến 2 năm
Công ty TNHH té Unilever Việt Nam Công ty TNHH Nông nghiệp Red Sun Công ty TNHH MTV Giai Mỹ	184.236.473	184.236.473	178.176.574	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	39.780.170	19.890.096	61.510.201.013	Từ 6 tháng đến 3 năm
	211.494.288	137.219.225	1.009.642.440	Trên 3 năm
			1.400.300.194	Từ 1 năm đến 2 năm
			827.482.833	Từ 6 tháng đến 3 năm
	3.092.569.630	1.309.237.093	65.352.737.254	2.631.995.109
			1.783.332.537	62.720.742.145

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	2.631.995.109	2.220.690.011
Trích lập dự phòng trong năm	-	411.305.098
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(176.153.910)	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.146.604.106)	-
Số dư cuối năm	1.309.237.093	2.631.995.109

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	326.370.555	-	2.995.686.663	-
Nguyên vật liệu	159.775.649.111	-	187.855.276.380	-
Công cụ và dụng cụ	204.562.462	-	259.092.403	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.043.130.890	-	5.524.763.022	-
Thành phẩm	10.415.784.658	(2.150.233.319)	17.035.876.483	(114.988.548)
Hàng gửi đi bán	-	-	392.685.877	-
	174.765.497.676	(2.150.233.319)	214.063.380.828	(114.988.548)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	114.988.548	-
Trích lập dự phòng trong năm	2.035.244.771	114.988.548
Số dư cuối năm	2.150.233.319	114.988.548



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công cụ và dụng cụ	2.411.633.067	933.310.796
Chi phí bảo hiểm trả trước	523.351.863	532.709.152
Sửa chữa và bảo trì	195.404.248	137.081.333
Khác	396.852.757	360.975.249
	<hr/> 3.527.241.935	<hr/> 1.964.076.530

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Sửa chữa và bảo trì VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	129.668.276.083	894.291.476	879.449.959	1.368.249.716	132.810.267.234
Tăng trong năm	-	527.407.830	1.691.126.771	-	2.218.534.601
Phân bổ trong năm	(3.485.961.672)	(889.522.812)	(1.614.541.107)	(215.067.160)	(6.205.092.751)
Số dư cuối năm	<hr/> 126.182.314.411	<hr/> 532.176.494	<hr/> 956.035.623	<hr/> 1.153.182.556	<hr/> 128.823.709.084

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	140.213.459.184	455.658.798.640	19.397.366.344	11.095.031.622	474.175.818	626.838.831.608
Tăng trong năm	-	2.330.029.220	-	149.000.000	49.500.000	2.528.529.220
Chuyển từ xây dựng cơ bản đờ đang	-	36.635.544.385	-	100.576.000	-	36.736.120.385
Thanh lý	-	(2.264.955.525)	(2.062.822.473)	(209.000.000)	(222.545.454)	(4.759.323.452)
Số dư cuối năm	140.213.459.184	492.359.416.720	17.334.543.871	11.135.607.622	301.130.364	661.344.157.761
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	69.641.321.593	368.263.622.618	13.587.374.033	9.263.242.952	474.175.818	461.229.737.014
Khấu hao trong năm	5.991.278.540	34.229.461.598	1.859.061.406	928.088.655	6.187.500	43.014.077.699
Thanh lý	-	(2.256.196.965)	(2.062.822.473)	(209.000.000)	(222.545.454)	(4.750.564.892)
Số dư cuối năm	75.632.600.133	400.236.887.251	13.383.612.966	9.982.331.607	257.817.864	499.493.249.821
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	70.572.137.591	87.395.176.022	5.809.992.311	1.831.788.670	-	165.609.094.594
Số dư cuối năm	64.580.859.051	92.122.529.469	3.950.930.905	1.153.276.015	43.312.500	161.850.907.940

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là các tài sản có nguyên giá 309.383.910.244 VND đã khấu hao hết (1/1/2022: 287.141.441.801 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định vô hình**

	Nhãn hiệu VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	232.020.000	2.632.334.724	100.667.889	2.965.022.613
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	232.020.000	2.206.656.352	100.667.889	2.539.344.241
Khấu hao trong năm	-	271.125.948	-	271.125.948
Số dư cuối năm	232.020.000	2.477.782.300	100.667.889	2.810.470.189
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	-	425.678.372	-	425.678.372
Số dư cuối năm	-	154.552.424	-	154.552.424

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là các tài sản có nguyên giá 2.156.334.089 VND đã được khấu hao hết (1/1/2022: 2.125.072.089 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	10.267.662.999	10.069.112.647
Tăng trong năm	35.364.707.158	8.799.828.103
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(36.736.120.385)	(8.601.277.751)
Xóa sổ	(2.287.737.772)	-
Số dư cuối năm	6.608.512.000	10.267.662.999

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Máy móc	6.608.512.000	7.979.925.227
Dự án ERP	-	2.287.737.772
	<b>6.608.512.000</b>	<b>10.267.662.999</b>

**15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng trợ cấp thôi việc	20%	1.175.916.765	1.176.902.826
Dự phòng tăng tiền thuê đất	20%	-	1.468.056.765
Khác	20%	1.167.749.029	-
		<b>2.343.665.794</b>	<b>2.644.959.591</b>

**16. Phải trả cho người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	147.575.939.406	148.104.773.291
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	27.295.859.574	48.340.209.225
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre	16.922.694.744	64.705.490.300
Các nhà cung cấp khác	103.890.853.845	84.615.497.709
	<b>295.685.347.569</b>	<b>345.765.970.525</b>
Số có khả năng trả nợ	<b>295.685.347.569</b>	<b>345.765.970.525</b>



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>31/12/2022</b>	<b>1/1/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	147.575.939.406	148.104.773.291
Thai Containers Group Co., Ltd	4.609.100.421	2.873.339.701
The Siam Cement Public Co., Ltd	1.124.558.520	-
SCG Packaging Public Company Limited	850.899.672	-
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	213.672.000	153.854.998
Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)	137.595.076	89.001.000
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)	3.175.200	-
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	-	2.403.176.490

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế**

(a) Thuế phải nộp Nhà nước	1/1/2022 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	383.354.471	197.737.363.931	(20.978.328.097)	(175.784.807.440)	1.357.582.865
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.829.242.909	31.485.544.065	(30.003.524.573)	-	10.311.262.401
Thuế thu nhập cá nhân	952.528.687	6.526.491.553	(6.472.362.253)	-	1.006.657.987
Thuế khác	-	462.977.402	(462.977.402)	-	-
	10.165.126.067	236.212.376.951	(57.917.192.325)	(175.784.807.440)	12.675.503.253
<b>(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ</b>					
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1/1/2022 VND	Số phát sinh VND	Số đã cân trừ VND	31/12/2022 VND
		238.410.682	175.546.396.758	(175.784.807.440)	-

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chi phí phải trả**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Thưởng nhân viên	24.585.704.457	18.199.290.912
Chi phí vận chuyển	-	4.075.995.970
Phí gia công	-	596.900.000
Chi phí lãi vay	-	211.461.630
Chi phí khác	442.197.858	5.502.645.453
	<hr/>	<hr/>
	25.027.902.315	28.586.293.965
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**19. Vay ngắn hạn**

	1/1/2022		Biến động trong năm		31/12/2022	
	VND		Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	115.421.129.166		601.056.264.427	(574.737.979.666)	141.739.413.927	
Số có khả năng trả nợ	115.421.129.166				141.739.413.927	

Số dư của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	VND	25.503.217.848	73.263.434.576
Ngân hàng Malaysian Banking Berhad – Chi nhánh Hà Nội	VND	76.986.864.429	32.895.313.770
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	39.249.331.650	9.262.380.820
		141.739.413.927	115.421.129.166

Các khoản vay trên không được đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả cho các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	2.720.068.442	14.652.899.442
Sử dụng trong năm	(2.457.711.176)	(11.932.831.000)
Số dư cuối năm	<u>262.357.266</u>	<u>2.720.068.442</u>

**21. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	<b>Tăng tiền thuê đất</b> <b>VND</b>	<b>Trợ cấp thôi việc</b> <b>VND</b>	<b>Tổng</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	7.340.283.825	5.884.514.130	13.224.797.955
Dự phòng trích lập trong năm	-	342.562.002	342.562.002
Dự phòng sử dụng trong năm	(7.340.283.825)	(347.492.308)	(7.687.776.133)
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>5.879.583.824</u>	<u>5.879.583.824</u>

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển (**) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	284.529.813.082	567.083.599.911
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	92.119.480.556	92.119.480.556
Cổ tức (*)	-	-	-	(25.664.874.000)	(25.664.874.000)
Khác	-	-	-	324.146.182	324.146.182
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022</b>	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	351.308.565.820	633.862.352.649
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	116.592.909.881	116.592.909.881
Cổ tức (*)	-	-	-	(23.098.386.600)	(23.098.386.600)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	444.803.089.101	727.356.875.930

(\*) Tại cuộc họp ngày 25 tháng 3 năm 2022 Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức với số tiền là 23.098 triệu VND (2021: 25.665 triệu VND).

(\*\*) Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 như sau

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu
TCG Solutions Pte. Ltd	12.076.587	120.765.870.000	94,11%
Các cổ đông khác	755.850	7.558.500.000	5,89%
	12.832.437	128.324.370.000	100%

Công ty mẹ, TCG Solutions Pte. Ltd, được thành lập tại Singapore. Công ty mẹ cấp cao nhất, The Siam Cement Public Company Limited, được thành lập tại Thái Lan.

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	1.742.877.768	3.068.213.727
Trong vòng hai đến năm năm	6.530.363.840	10.468.033.576
Sau năm năm	18.441.895.008	75.502.770.326
	26.715.136.616	89.039.017.629

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	50.081	1.172.388.677	40.761	922.811.324
EUR	261	6.449.788	265	6.740.885
		1.178.838.465		929.552.209

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày lập báo cáo, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	677.527.560	13.927.080.694
	677.527.560	13.927.080.694



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	1.801.750.800.081	1.760.753.565.569
▪ Phế liệu đã bán	78.378.041.276	78.307.207.257
	<hr/> 1.880.128.841.357	<hr/> 1.839.060.772.826
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	-	(577.235.497)
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.063.648.709)	(1.300.912.799)
	<hr/> (2.063.648.709)	<hr/> (1.878.148.296)
	<hr/> 1.878.065.192.648	<hr/> 1.837.182.624.530

**26. Giá vốn hàng bán**

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.534.547.510.982	1.528.154.326.369
▪ Khác	76.661.878.425	76.514.093.944
	<hr/> 1.611.209.389.407	<hr/> 1.604.668.420.313

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi	14.905.113.990	8.450.708.295
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	320.438.599	218.714.626
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	97.068.003	71.684.305
Khác	-	63.570.554
	<hr/>	<hr/>
	15.322.620.592	8.804.677.780

**28. Chi phí tài chính**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	5.167.866.578	6.010.628.591
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	358.540.196	260.174.317
	<hr/>	<hr/>
	5.526.406.774	6.270.802.908

**29. Chi phí bán hàng**

	<b>2022</b> <b>VND</b>	<b>2021</b> <b>VND</b>
Chi phí vận chuyển	60.718.279.530	58.993.798.079
Chi phí nhân viên	19.655.549.624	18.656.850.642
Chi phí quảng cáo	995.969.903	520.733.845
Chi phí hoa hồng	179.685.049	1.210.842.794
Chi phí khác	1.346.118.439	278.461.673
	<hr/>	<hr/>
	82.895.602.545	79.660.687.033

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	27.963.803.168	22.998.737.395
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.814.333.579	5.473.074.086
Chi phí công cụ và dụng cụ	4.352.248.551	1.500.765.830
Chi phí khấu hao	1.071.761.611	1.042.701.088
Dự phòng trợ cấp thôi việc	342.562.002	4.223.365.496
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(176.153.910)	411.305.098
Chi phí khác	4.082.498.924	4.820.232.856
	<hr/>	<hr/>
	43.451.053.925	40.470.181.849

**31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.312.676.922.330	1.320.768.127.896
Chi phí nhân viên	178.862.472.466	177.053.101.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.858.671.256	97.053.276.313
Chi phí vận chuyển	60.718.279.530	58.993.798.079
Chi phí khấu hao và phân bổ	43.285.203.647	43.951.536.403
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.035.244.771	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	342.562.002	4.223.365.496
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(176.153.910)	411.305.098
Chi phí khác	33.254.028.445	30.565.560.118
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### **32. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### **(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	30.131.366.266	23.998.004.291
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.354.177.799	-
	<hr/>	<hr/>
	31.485.544.065	23.998.004.291
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	301.293.797	(785.117.457)
	<hr/>	<hr/>
<b>Chi phí thuế thu nhập</b>	<hr/>	<hr/>
	31.786.837.862	23.212.886.834

#### **(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2022</b>	<b>2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	148.379.747.743	115.332.367.390
	<hr/>	<hr/>
<b>Thuế theo thuế suất của Công ty</b>	29.675.949.549	23.066.473.478
<b>Chi phí không được khấu trừ thuế</b>	1.660.571.740	128.086.614
<b>Dự phòng thiếu trong những năm trước</b>	1.354.177.799	-
<b>Thay đổi chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận</b>	(903.861.226)	18.326.742
	<hr/>	<hr/>
	31.786.837.862	23.212.886.834

#### **(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.



### 33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

#### (i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	116.592.909.881	92.119.480.556
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	116.592.909.881	92.119.480.556

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, công ty không thể ước tính một cách chính xác số lợi nhuận sẽ được trích lập vào các quỹ này do việc trích lập các quỹ này chưa được các cổ đông thông qua. Nếu Công ty trích lập các quỹ này thì lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

#### (ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022	2021
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	12.832.437	12.832.437
	<hr/>	<hr/>
Cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	12.832.437	12.832.437

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này. Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>		
<b>The Siam Cement Public Co., Ltd</b>		
Mua dịch vụ	1.124.558.520	-
<b>Bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty TNHH Giấy Kraft Vina</b>		
Bán hàng hóa	39.935.173.000	23.973.688.000
Mua hàng hóa	433.407.033.589	340.648.595.942
<b>Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành</b>		
Bán hàng hóa	5.170.902.737	8.031.595.476
<b>Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á</b>		
Bán hàng hóa	2.675.715.617	3.934.352.010
Mua hàng hóa	726.485.300	2.184.705.900
<b>Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)</b>		
Bán hàng hóa	5.711.336.913	3.931.023.405
Mua hàng hóa	2.940.000	471.573.100
Phí gia công	133.825.500	-
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân</b>		
Bán hàng hóa	23.320.744.069	11.388.605.845
Mua hàng hóa	803.779.200	139.868.180
<b>Thai Containers Group Co., Ltd</b>		
Phí quản lý	8.230.486.621	6.070.567.372
Mua tài sản	37.435.370	-
<b>Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)</b>		
Bán hàng hóa	-	48.970.000
Mua hàng hóa	592.111.548	159.125.600
Bán tài sản cố định hữu hình	482.874.074	-
<b>PT. Dayasa Aria Prima</b>		
Mua hàng hóa	6.592.896.030	2.422.855.218
<b>PT Fajar Surya Wisea TBK</b>		
Mua hàng hóa	-	12.088.580.753
<b>Công ty TNHH Ngói Bê Tông SCG (Việt Nam)</b>		
Bán hàng hóa	124.500.000	-



**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
SCG Packaging Public Co., Ltd Mua dịch vụ	850.899.672	-
<i>Nhân sự quản lý chủ chốt</i> <b>Ban Tổng Giám đốc</b> Lương và thưởng	5.085.517.702	4.186.787.168
<i>Hội đồng Quản trị</i> <b>Chủ tịch</b> Ông Jakit Klomsing (từ ngày 20 tháng 12 năm 2022) Thù lao	-	-
Ông Sompob Witworrasakul (từ ngày 17 tháng 10 năm 2022 đến ngày 20 tháng 12 năm 2022) Thù lao	-	-
Ông Suchai Korprasertsri (đến ngày 17 tháng 10 năm 2022) Thù lao	-	-
<i>Phó Chủ tịch</i> Ông Sompob Witworrasakul (đến ngày 17 tháng 10 năm 2022 và từ ngày 20 tháng 12 năm 2022) Thù lao	-	-
<i>Thành viên</i> Ông Tawatchai Jungomsri (đến ngày 20 tháng 12 năm 2022) Thù lao	-	-
Ông Amnuay Pattaramongkolkul (đến ngày 20 tháng 12 năm 2022) Thù lao	-	-
Ông Hirofumi Hori Thù lao	-	-
Ông Toshinobu Sada Thù lao	-	-
Ông Ekarach Sinnarong Thù lao	-	-
Ông Đinh Quang Hùng Thù lao	145.800.000	121.500.000

**Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Bà Saranya Skontanarak Thù lao	129.600.000	108.000.000
Ông Nguyễn Quý Thịnh Thù lao	145.800.000	121.500.000
<i>Ban Kiểm soát</i> Thành viên của Ban Kiểm soát Thù lao	-	-

**35. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Lý Phát  
Kế toán

Người duyệt:

Phạm Hồng Đức  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ekarach Sinnarong  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CP BAO BÌ BIÊN HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số *M.A.* /SVI-2023

Biên Hòa, ngày 22 tháng 03 năm 2023

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN  
tại báo cáo KQHĐKD năm 2022 đã được kiểm  
toán thay đổi (tăng) trên 10% so với năm 2021.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa kính gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM lời chào trân trọng và cảm ơn chân thành về sự hỗ trợ của Quý cơ quan trong thời gian vừa qua.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (gọi tắt là SOVI. Mã chứng khoán: SVI) xin gửi đến Quý cơ quan giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được kiểm toán thay đổi (tăng) trên 10% so với năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Chênh lệch	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4) = (2)-(3)	(5)=(4)/(3)
Lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQHĐKD đã được kiểm toán	116.592.909.881	92.119.480.556	24.473.429.325	26,57%

Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQHĐKD năm 2022 đã được kiểm toán thay đổi (tăng) trên 10% so với năm 2021 là 26,57%: Chủ yếu do tăng cường công tác quản lý, nâng cao năng suất, cắt giảm các khoản chi phí lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là giải trình của SOVI.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: QTHC



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**EKARACH SINNARONG**